

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ NHÂN ĐẠO

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
KHÓA 2023 – TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NIÊN KHÓA: 2023 – 2025

NGHỀ ĐÀO TẠO:	TÊN LỚP:
1. Chăm sóc sắc đẹp	SD23
2. Quản trị mạng máy tính	MC23
3. Thiết kế đồ họa	DH23
4. Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí	ML23
5. Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	NH23

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
KHÓA 2023 – TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NIÊN KHÓA: 2023 – 2025

I. Nghề đào tạo: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP Mã nghề: 5810404

1. Lớp: SD23

2. Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương trở lên.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ trung cấp Chăm sóc sắc đẹp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tự tạo việc làm, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, dịch vụ về chăm sóc sắc đẹp

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ **Kiến thức:**

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;
- Mô tả được hoạt động của các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;
- Trình bày được các quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt và các dịch vụ khác;
- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;
- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;
- Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

❖ **Kỹ năng:**

- Phục vụ được khách hàng tại các vị trí công việc của các dịch vụ chăm sóc da;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc toàn thân;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc móng;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc tóc

- Thực hiện các kỹ thuật tạo mẫu tóc
 - Thực hiện các kỹ thuật cắt tóc nam
 - Thực hiện các kỹ thuật trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
 - Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc chuyên sâu về da;
 - Thực hiện các kỹ thuật Massage bấm huyệt;
 - Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
 - Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
 - Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
 - Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;
 - Ứng dụng thành thạo ít nhất một phần mềm quản lý cơ sở làm đẹp trong công việc hàng ngày.
 - Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
 - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
 - ❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
 - Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
 - Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong cơ sở làm đẹp;
 - Quan tâm, chăm sóc khách hàng với thái độ lịch sự, thân thiện;
 - Tuân thủ các quy định về pháp luật trong kinh doanh dịch vụ làm đẹp;
 - Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.
- 5. Thời gian khoá học:** 24 tháng – 04 học kỳ (từ 14/8/2023 – 14/8/2025)

NĂM THỨ I	THÁNG	8 - 2023						9						10						11						12						1-2024																	
	Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22																										
	Từ ngày	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08																										
	đến ngày	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13																										
		KG																			HỌC KỲ 1: 20 tuần						HK		TL																				
NĂM THỨ II	THÁNG	1						2						3						4						5						6						7											
	Tuần	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50																				
	Từ ngày	15	22	29	05	12	19	26	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22																				
	đến ngày	20	27	03	10	17	24	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27																				
		NH																			HỌC KỲ 2: 20 tuần						HK		TL	NK	H	H	H																
NĂM THỨ II	NĂM	2024																								2025																							
	THÁNG	7						8						9						10						11						12						1-2025						2					
	Tuần	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81																	
	Từ ngày	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	03	10	17	24																	
	đến ngày	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	01	08	15	22	01																	
	NH																			HỌC KỲ 3: 20 tuần						HK		TL	NH							T		T	HỌC KỲ 4: 16 tuần										
NĂM THỨ II	THÁNG	3						4						5						6						7						8																	
	Tuần	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105																								
	Từ ngày	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11																								
	đến ngày	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16																								
																					HK		TL	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	DP	▲	▲	TN	TN	BG										

GHI CHÚ:

- Thực học
- KG** Khai giảng
- HK** Thi HK
- TL** Thi lại
- NH** Nhập học học kỳ
- T** Nghỉ tết
- H** Nghỉ hè
- TT** Thực tập tốt nghiệp
- ▲** Ôn thi TN
- TN** Thi tốt nghiệp LTN
- TN** Thi tốt nghiệp THN
- NK** Học tập ngoại khóa
- DP** Tuần dự phòng

5.1. Thời gian năm học 2023 – 2024

- Thời gian học kỳ 1: từ 14/8/2023 đến 13/01/2024, 22 tuần.
- Thời gian học kỳ 2: từ 15/01/2024 đến 29/6/2024, 22 tuần.

5.2. Thời gian năm học 2024 – 2025

- Thời gian học kỳ 3: từ 29/7/2024 đến 28/12/2024, 22 tuần.
- Thời gian học kỳ 4: từ 30/12/2024 đến 05/7/2025, 25 tuần.

6. Thời gian học tập: 95 tuần, trong đó:

- Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học/ mô đun: 08 tuần.
- Thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 04 tuần.

7. Thời gian khai giảng, bế giảng, nghỉ hè, lễ tết và dự phòng

7.1. Thời gian khai giảng, bế giảng

- Thời gian khai giảng: Từ 14/8/2023 đến 19/8/2023.

- Thời gian bế giảng: Từ 11/8/2025 đến 14/8/2025.

7.2. Thời gian nghỉ hè: Từ 08/7/2024 đến 27/7/2024

7.3. Thời gian nghỉ lễ tết

(Thời gian nghỉ cụ thể áp dụng theo thông báo của trường)

Năm 2023 - 2024

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Quốc Khánh (2/9)	01/09/2023 - 04/09/2023
Tết Dương lịch (1/1)	30/12/2023 - 01/01/2024
Tết Nguyên Đán	05/02/2024 – 17/02/2024
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	18/4/2024
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2024
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2024

Năm 2024 - 2025

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Tết Dương lịch (1/1)	01/01/2025
Tết Nguyên Đán	20/01/2025 – 01/02/2025
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	07/04/2025
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2025
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2025

8. Thời gian học tập ngoại khóa: từ 01/7/2024 đến 06/7/2024

9. Quyết định phê duyệt chương trình: Số 10/QĐCTr-ND ngày 05/6/2023 của trường Trung cấp nghề Nhân Đạo về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Chăm sóc sắc đẹp - trình độ Trung cấp.

10. Phân bổ thời gian đào tạo

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
1	Giáo dục chính trị	3	30	15	13	2	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
2	Pháp luật	2	15	9	5	1	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
3	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	45	21	21	3	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
5	Tin học	3	45	15	29	1	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
6	Tiếng Anh	3	90	30	56	4	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
7	Kỹ năng sống	4	60	15	43	2	Từ 05/5/2025 – 10/4/2025
8	Vệ sinh phòng bệnh	1	45	15	26	4	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
9	Nghệ thuật trang trí	1	45	15	26	4	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
10	Kỹ thuật chăm sóc tóc	1	120	30	80	10	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
11	Kỹ thuật tạo mẫu tóc	2	120	30	84	6	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
12	Kỹ thuật cắt tóc nam	1	60	15	41	4	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
13	Kỹ thuật chăm sóc móng	1	75	20	51	4	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
14	Kỹ thuật vẽ móng	2	75	20	51	4	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
15	Kỹ thuật đắp móng	2	60	15	42	3	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
16	Kỹ thuật chăm sóc và điều trị da mặt chuyên sâu	3	100	30	66	4	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
17	Kỹ thuật chăm sóc và thư giãn toàn thân	3	90	30	56	4	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
18	Kỹ thuật trang điểm căn bản	3	45	15	27	3	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
19	Kỹ thuật trang điểm nâng cao	4	75	20	51	4	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
20	Kỹ thuật trang điểm cô dâu	4	75	20	51	4	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
21	Thực tập tốt nghiệp	4	270		270		Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
THI TỐT NGHIỆP							Từ ngày 28/7/2025 đến ngày 09/8/2025

11. Kế hoạch thi tốt nghiệp

TT	Nội dung thi tốt nghiệp	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức thi	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
		Thời gian ôn thi (ngày)	Thời gian thi (giờ)	Kế hoạch thi (từ 28/7/2025 đến 09/8/2025)			
1	Lý thuyết nghề	8	3	28/7 - 02/8/2025	Viết	Kiến thức	
2	Thực hành nghề	12	6	04/8 – 09/8/2025	Thực hành	Kỹ năng	

II. Nghề đào tạo: QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH

Mã nghề: 5480209

1. Lớp: MC23

2. Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương trở lên.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chung

Quản trị mạng máy tính trình độ trung cấp là ngành, nghề thực hiện các công việc cài đặt, hỗ trợ, quản lý mạng và hệ thống máy tính giúp thông tin luôn được lưu thông; thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống mạng, duy trì phần cứng và phần mềm mạng, khắc phục sự cố mạng và đảm bảo an ninh mạng, tính khả dụng và các tiêu chuẩn hiệu suất, đáp ứng yêu cầu trình độ bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm việc trong ngành, nghề Quản trị mạng máy tính làm việc tại các cơ quan, đơn vị chuyên ngành, các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các dịch vụ thuộc các thành phần mạng máy tính. Có kiến thức lý thuyết rộng, kiến thức thực tế cần thiết và kỹ năng thực hành chuyên sâu áp dụng vào thực tế công tác và tự học tập, người hành nghề phải có đủ sức khỏe, có tâm về nghề nghiệp và có khả năng tổ chức và quản lý công việc.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính;
- Trình bày được kiến thức nền tảng về mạng máy tính;
- Xác lập được mô hình, chính sách mạng;
- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế và xây dựng, cài đặt và cấu hình, vận hành và quản trị, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng máy tính;
- Xác định được chức năng, hoạt động của thiết bị mạng trong hệ thống;
- Trình bày được quy trình kiểm tra các thiết bị mạng, thông mạng;
- Trình bày chính xác cấu trúc và vai trò của các dịch vụ mạng, các kiến thức mạng máy tính, quản trị mạng;
- Xác định được các yêu cầu khai thác, cập nhật dữ liệu, tạo báo cáo trong phần mềm;
- Mô tả được các bước lập báo cáo về hiệu suất sử dụng mạng;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về phát triển các ứng dụng trên mạng;
- Liệt kê được các nguy cơ, sự cố mất an ninh, an toàn dữ liệu cũng như đề xuất được các giải pháp xử lý sự cố; Phân loại được các loại vi-rút và các phần mềm diệt vi-rút;
- Phân tích, đánh giá được mức độ an toàn của hệ thống mạng và các biện pháp bảo vệ hệ thống mạng;
- Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;
- Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

❖ **Kỹ năng:**

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng;
- Thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống mạng cho doanh nghiệp nhỏ và trung bình;
- Cài đặt, cấu hình và quản trị được hệ thống mạng sử dụng hệ điều hành máy chủ;
- Cài đặt, cấu hình và quản trị được các dịch vụ: DNS, DHCP, RRAS, Web, Mail;
- Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng của hệ thống mạng;
- Xây dựng được các ứng dụng đơn giản trên hệ thống mạng;
- Lắp đặt được mạng không dây;
- Kèm cặp, hướng dẫn được các thợ bậc thấp hơn;
- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc;
- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống;
- Giám sát được hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

❖ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Thực hiện đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, có đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ tốt; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc; Ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- Sáng tạo trong công việc, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài);
- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của nhà nước;
- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định;
- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

5. Thời gian khoá học: 24 tháng – 04 học kỳ (từ 14/8/2023 – 14/8/2025)

NĂM THỨ I	THÁNG	8 - 2023	9	10	11	12	1-2024	
	Tuần	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22						
	Từ ngày	14 21 28 04 11 18 25 02 09 16 23 30 06 13 20 27 04 11 18 25 01 08						
	đến ngày	19 26 02 09 16 23 30 07 14 21 28 04 11 18 25 02 09 16 23 30 06 13						
		KG > HK TL						
NĂM THỨ II	THÁNG	1	2	3	4	5	6	7
	Tuần	23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50						
	Từ ngày	15 22 29 05 12 19 26 04 11 18 25 01 08 15 22 29 06 13 20 27 03 10 17 24 01 08 15 22						
	đến ngày	20 27 03 10 17 24 02 09 16 23 30 06 13 20 27 04 11 18 25 01 08 15 22 29 06 13 20 27						
		NH T T > HK TL NK H H H						

NĂM THỨ II	NĂM	2024																				2025						
	THÁNG	7	8	9	10	11	12	1-2025				2																
	Tuần	51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81																										
	Từ ngày	29 05 12 19 26 02 09 16 23 30 07 14 21 28 04 11 18 25 02 09 16 23 30 06 13 20 27 03 10 17 24																										
	đến ngày	03 10 17 24 31 07 14 21 28 05 12 19 26 02 09 16 23 30 07 14 21 28 04 11 18 25 01 08 15 22 01																										
		HOC KỲ 3: 20 tuần >																				HK TL	NH	T T	HOC KỲ 4: 16 tuần >			
NĂM THỨ II	THÁNG	3	4	5	6	7	8																					
	Tuần	82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100 101 102 103 104 105																										
	Từ ngày	03 10 17 24 31 07 14 21 28 05 12 19 26 02 09 16 23 30 07 14 21 28 04 11																										
	đến ngày	08 15 22 29 05 12 19 26 03 10 17 24 31 07 14 21 28 05 12 19 26 02 09 16																										
			HK TL TT TT TT TT TT TT TT DP ▲ ▲ TN TN BG																									

GHI CHÚ:

→	Thực học
KG	Khai giảng
HK	Thi HK
TL	Thi lại
NH	Nhập học học kỳ
T	Nghỉ tết
H	Nghỉ hè
TT	Thực tập tốt nghiệp
▲	Ôn thi TN
TN	Thi tốt nghiệp LTN
TN	Thi tốt nghiệp THN
NK	Học tập ngoại khóa
DP	Tuần dự phòng

5.1. Thời gian năm học 2023 – 2024

- Thời gian học kỳ 1: từ 14/8/2023 đến 13/01/2024, 22 tuần.
- Thời gian học kỳ 2: từ 15/01/2024 đến 29/6/2024, 22 tuần.

5.2. Thời gian năm học 2024 – 2025

- Thời gian học kỳ 3: từ 29/7/2024 đến 28/12/2024, 22 tuần.
- Thời gian học kỳ 4: từ 30/12/2024 đến 05/7/2025, 25 tuần.

6. Thời gian học tập: 95 tuần, trong đó:

- Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học/ mô đun: 08 tuần.
- Thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 04 tuần.

7. Thời gian khai giảng, bế giảng, nghỉ hè, lễ tết và dự phòng

7.1. Thời gian khai giảng, bế giảng

- Thời gian khai giảng: Từ 14/8/2023 đến 19/8/2023.
- Thời gian bế giảng: Từ 11/8/2025 đến 14/8/2025.

7.2. Thời gian nghỉ hè: Từ 08/7/2024 đến 27/7/2024

7.3. Thời gian nghỉ lễ tết

(Thời gian nghỉ cụ thể áp dụng theo thông báo của trường)

Năm 2023 - 2024

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Quốc Khánh (2/9)	01/09/2023 - 04/09/2023
Tết Dương lịch (1/1)	30/12/2023 - 01/01/2024
Tết Nguyên Đán	05/02/2024 – 17/02/2024
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	18/4/2024
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2024
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2024

Năm 2024 - 2025

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Tết Dương lịch (1/1)	01/01/2025
Tết Nguyên Đán	20/01/2025 – 01/02/2025
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	07/04/2025
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2025
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2025

8. Thời gian học tập ngoại khóa: từ 01/7/2024 đến 06/7/2024

9. Quyết định phê duyệt chương trình: Số 10/QĐCTr-ND ngày 05/6/2023 của trường Trung cấp nghề Nhân Đạo về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính - trình độ Trung cấp.

10. Phân bổ thời gian đào tạo

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THỨC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
1	Giáo dục chính trị	3	30	15	13	2	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
2	Pháp luật	2	15	9	5	1	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bộ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THỨC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
3	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	45	21	21	3	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
5	Tin học	3	45	15	29	1	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
6	Tiếng Anh	3	90	30	56	4	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
7	Kỹ năng sống	4	60	15	43	2	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
8	Anh văn chuyên ngành	1	60	30	26	4	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
9	Lắp ráp và cài đặt máy tính	1	75	20	49	6	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
10	Tin học văn phòng	1	45	20	21	4	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
11	Mạng máy tính	1	75	20	49	6	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
12	Đồ họa ứng dụng	1	45	20	21	4	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
13	Quản trị mạng Windows Server	2	75	20	49	6	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
14	Quản trị mạng Linux	2	75	20	49	6	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
15	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	2	75	20	49	6	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
16	Thiết kế, quản trị website	2	75	20	49	6	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
17	Công nghệ mạng không dây	3	75	20	49	6	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
18	Lắp đặt, cấu hình	3	75	20	49	6	Từ 16/12/2024 –

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
	hệ thống mạng						21/12/2024
19	Triển khai dịch vụ mạng	3	75	20	49	6	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
20	Bảo trì hệ thống mạng	3	75	20	49	6	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
21	Giám sát hệ thống mạng	4	75	20	49	6	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
22	Quản trị hệ thống phần mềm	4	75	20	49	6	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
24	Thực tập tốt nghiệp	4	270	0	270	0	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
25	Xây dựng hệ thống camera quan sát	4	75	20	49	6	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
26	Triển khai dịch vụ viễn thông	4	75	20	49	6	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
THI TỐT NGHIỆP							Từ 28/7/2025- 09/8/2025

11. Kế hoạch thi tốt nghiệp

TT	Nội dung thi tốt nghiệp	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức thi	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
		Thời gian ôn thi (ngày)	Thời gian thi (giờ)	Kế hoạch thi (từ 28/7/2025- 09/8/2025)			
1	Lý thuyết nghề	8	3	28/7 – 02/8/2025	Viết	Kiến thức	
2	Thực hành nghề	12	6	04/8 – 09/8/2025	Thực hành	Kỹ năng	

III. Nghề đào tạo: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Mã nghề: 5210402

1. Lớp: DH23

2. Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương trở lên.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chung

- Ngành, nghề Thiết kế đồ họa trình độ trung cấp là nghề kết hợp giữa ý tưởng sáng tạo và khả năng cảm nhận thẩm mỹ, thông qua các công cụ đồ họa để tạo ra các sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo, mỹ thuật kết hợp với đa phương tiện để phục vụ nhu cầu quảng bá, truyền thông trong sản xuất, kinh doanh, văn hóa và đào tạo phục vụ nâng cao đời sống tinh thần của người dân, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thiết kế đồ họa là loại hình nghệ thuật ứng dụng, kết hợp hình ảnh chữ viết và ý tưởng một cách sáng tạo để truyền đạt thông tin hiệu quả và thú vị qua các hình thức ấn phẩm in ấn và trực tuyến.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức căn bản về công nghệ thông tin, mạng máy tính và Internet;
- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính;
- Trình bày và sử dụng được kiến thức về một số hệ thống sản xuất hiện đại và hệ thống sản xuất các sản phẩm đồ họa, các kiến thức về quy trình sản xuất một sản phẩm đồ họa;
- Trình bày được kiến thức về tạo hình mỹ thuật, kiến thức về đường, hình, khối và một số vấn đề mỹ thuật liên quan; các kiến thức cơ bản về đồ họa, đồ họa công nghiệp;
- Trình bày được kiến thức chung về ảnh số, các hệ màu trên máy tính, các kỹ thuật biến đổi ảnh và các thao tác với ảnh số, quy trình phục chế ảnh, xử lý hậu kỳ;
- Trình bày được các kiến thức: bộ nhận diện thương hiệu và các công cụ tạo lập các chế bản ngắn, đơn giản, tổ chức và sắp xếp chế bản của một ấn phẩm;
- Xác định được các kiến thức cơ sở về đồ họa và đồ họa trên vi tính;
- Xác định rõ các kiến thức cơ sở về mỹ thuật, thẩm mỹ;
- Xác định được kiến thức cơ bản liên quan đến dịch vụ web và thiết kế giao diện WebSite, nhân vật game;
- Trình bày được kiến thức về mỹ thuật 2D; Trình bày được các kiến thức liên quan đến tạo hình 2D;
- Xác định được các kiến thức về ánh sáng chụp ảnh, cấu tạo máy ảnh, sử dụng máy ảnh cơ học và máy ảnh số;
- Xác định được các kiến thức cơ bản và nguyên lý hoạt động cũng như cách sử dụng một số thiết bị ngoại vi số;
- Xác định được cách nâng cao về xử lý ảnh, tập trung vào các kỹ năng biên tập ảnh nhằm đáp ứng các yêu cầu của các bài toán thực tế;
- Xác định được cách dựng sản phẩm đa phương tiện, tích hợp các dữ liệu thu thập, theo kịch bản; kỹ năng thu thập dữ liệu thực tế phục vụ cho việc dựng phim, biên tập âm thanh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

❖ **Kỹ năng:**

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Thực hiện được việc kết nối, điều khiển máy tính, các thiết bị ngoại vi và mạng máy tính;
- Phân tích, tổ chức và thực hiện đúng qui trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp;
- Cài đặt được các chương trình điều khiển các thiết bị ngoại vi số và thao tác, vận hành và bảo quản các thiết bị ngoại vi số;
- Cài đặt và sử dụng được các phần mềm dùng trong thiết kế đồ họa như: phần mềm thiết kế 2D, phần mềm dựng phim, game, phần mềm xử lý ảnh và đồ họa, phần mềm xử lý âm thanh và Video,...;
- Thực hiện được việc khai thác Internet, tra cứu tài liệu tiếng Việt hoặc tiếng Anh để phục vụ cho yêu cầu công việc;
- Thiết kế, hoàn thiện được các sản phẩm đồ họa như: Thiết kế quảng cáo trên biển bảng quảng cáo, trên website hoặc mạng xã hội, trên truyền hình, thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, trang bìa sách, dàn trang, trình bày nội dung sách, báo, tạp chí, tranh cổ động;
- Thực hiện được biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh, quay camera, chụp ảnh, xử lý các ảnh tĩnh, ảnh động; Thiết kế đối tượng đồ họa game, hoạt hình;
- Thiết kế được giao diện Website và sử dụng được các kiến thức về đồ họa để thiết kế Banner Marketing trên internet, quảng cáo trên mạng xã hội;
- Thực hiện được việc tích hợp dữ liệu đa phương tiện; Thu thập được dữ liệu ảnh, hình động, video, âm thanh;
- Tạo lập và sử dụng được đồ họa, các lớp đồ họa; Tạo lập được một số ấn phẩm chuyên dụng sử dụng nội bộ và tạo lập được các ấn phẩm nhằm mục đích quảng cáo;
- Xử lý được ảnh theo yêu cầu thực tế, phục chế ảnh cũ,...;
- Tạo lập được các ấn phẩm dùng cho các lĩnh vực khác nhau như tạo nhãn mác hàng hóa, tạo mẫu logo, tạo mẫu danh thiếp hoặc quảng cáo;
- Thực hiện được các dịch vụ liên quan đến thiết kế đồ họa, mỹ thuật, chế bản sách báo, tạo các tranh ảnh quảng cáo, các dịch vụ liên quan đến video số, chụp ảnh số;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; đọc và hiểu được tài liệu tiếng anh chuyên ngành.

❖ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; Thực hiện đúng luật sở hữu trí tuệ trong ứng dụng phần mềm; cần cù, chịu khó và sáng tạo; Thực hiện tốt kỷ luật lao động và thực hiện đúng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống;

- Cập nhật được kiến thức, thực hiện sáng tạo trong công việc; Làm việc được với các môi trường làm việc khác nhau;
- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và một phần của nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của cá nhân.

5. Thời gian khoá học: 24 tháng – 04 học kỳ (từ 14/8/2023 – 14/8/2025)

NĂM THỨ I	THÁNG	8 - 2023							9							10							11							12							1-2024																																																											
	Tuần	1		2		3			4				5			6				7				8		9		10			11			12			13		14		15			16			17			18			19			20			21			22																																		
	Từ ngày	14		21		28			04				11			18				25				02		09			16			23			30			07		14		21			28			04			11			18			25			02			09		16			23			30			06		13																				
	đến ngày	19		26		02			09				16			23				30		07			14			21			28			04			11			18			25			02		09		16			23			30			06		13																																			
	NH	KG											HOC KỶ 1: 20 tuần																																			HK		TL																																														
NĂM THỨ II	THÁNG	1		2					3					4					5					6					7																																																																			
	Tuần	23		24		25			26				27			28					29				30			31		32			33		34			35		36			37		38			39			40		41			42		43			44		45			46		47			48		49			50																				
	Từ ngày	15		22		29			05				12			19					26				04			11		18			25		01			08		15			22		29			06		13			20		27			03		10			17		24			01		08			15		22																					
	đến ngày	20		27		03			10				17			24					02				09			16		23			30		06			13		20			27		04			11		18			25		01			08		15			22		29			06		13			20		27																					
	NH	NH				T			T				HOC KỶ 2: 20 tuần																																							HK		TL		NK			H		H			H																																
NĂM THỨ II	NĂM	2024																				2025																																																																										
	THÁNG	7		8					9					10					11					12					1-2025					2																																																														
	Tuần	51		52		53			54				55			56					57				58			59		60			61		62			63		64			65		66			67		68			69			70		71			72		73			74		75			76		77			78		79			80		81													
	Từ ngày	29		05		12			19				26			02					09				16		23			30		07			14		21			28		04			11		18			25		02			09		16			23		30			07		14			21		28			04		11			18		25			01		08			15		22			01	
	đến ngày	03		10		17			24				31			07					14				21		28			05		12			19		26			02		09			16		23			30		07			14		21			28		04			11			18		25			01		08			15		22			01													
	NH	NH											HOC KỶ 3: 20 tuần																																							HK		TL		NK			H		H			H																																
NĂM THỨ II	THÁNG	3		4					5					6					7					8																																																																								
	Tuần	82		83		84			85				86			87					88				89			90		91			92		93			94		95			96		97			98		99			100		101			102		103			104		105																															
	Từ ngày	03		10		17			24				31			07					14				21		28			05		12			19		26			02		09			16		23			30		07			14		21			28		04			11																															
	đến ngày	08		15		22			29				05			12					19				26		03			10		17			24		31			07		14			21		28			05		12			19		26			02		09			16																															
	NH												HOC KỶ 4: 16 tuần																																							DP		▲		▲			TN		TN			BG																																

GHI CHÚ:

→	Thực học
KG	Khai giảng
HK	Thi HK
TL	Thi lại
NH	Nhập học học kỳ
T	Nghỉ tết
H	Nghỉ hè
TT	Thực tập tốt nghiệp
▲	Ôn thi TN
TN	Thi tốt nghiệp LTN
TN	Thi tốt nghiệp THN
NK	Học tập ngoại khóa
DP	Tuần dự phòng

5.1. Thời gian năm học 2023 – 2024

- Thời gian học kỳ 1: từ 14/8/2023 đến 13/01/2024, 22 tuần.
- Thời gian học kỳ 2: từ 15/01/2024 đến 29/6/2024, 22 tuần.

5.2. Thời gian năm học 2024 – 2025

- Thời gian học kỳ 3: từ 29/7/2024 đến 28/12/2024, 22 tuần.
- Thời gian học kỳ 4: từ 30/12/2024 đến 06/7/2025, 25 tuần.

6. Thời gian học tập: 95 tuần, trong đó:

- Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học/ mô đun: 08 tuần.
- Thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 04 tuần.

7. Thời gian khai giảng, bế giảng, nghỉ hè, lễ tết và dự phòng

7.1. Thời gian khai giảng, bế giảng

- Thời gian khai giảng: Từ 14/8/2023 đến 19/8/2023.
- Thời gian bế giảng: Từ 11/8/2025 đến 14/8/2025.

7.2. Thời gian nghỉ hè: Từ 08/7/2024 đến 27/7/2024

7.3. Thời gian nghỉ lễ tết

(Thời gian nghỉ cụ thể áp dụng theo thông báo của trường)

Năm 2023 - 2024

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Quốc Khánh (2/9)	01/09/2023 - 04/09/2023
Tết Dương lịch (1/1)	30/12/2023 - 01/01/2024
Tết Nguyên Đán	05/02/2024 – 17/02/2024
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	18/4/2024
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2024
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2024

Năm 2024 - 2025

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Tết Dương lịch (1/1)	01/01/2025
Tết Nguyên Đán	20/01/2025 – 01/02/2025
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	07/04/2025
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2025
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2025

8. Thời gian học tập ngoại khóa: từ 01/7/2024 đến 06/7/2024

9. Quyết định phê duyệt chương trình: Số 10/QĐCTr-NĐ ngày 05/6/2023 của trường Trung cấp nghề Nhân Đạo về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Thiết kế đồ họa - trình độ Trung cấp.

10. Phân bổ thời gian đào tạo

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
1	Giáo dục chính trị	3	30	15	13	2	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
2	Pháp luật	2	15	9	5	1	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
3	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	45	21	21	3	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
5	Tin học	3	45	15	29	1	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
6	Tiếng Anh	3	90	30	56	4	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
7	Kỹ năng sống	4	60	15	43	2	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
8	An toàn vệ sinh công nghiệp	1	15	10	4	1	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
9	Thiết bị ngoại vi đồ họa	2	30	12	15	3	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
10	Mỹ thuật cơ bản	1	150	30	113	7	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
11	Chế bản điện tử bằng CorelDraw	1	90	30	55	5	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
12	Xử lý ảnh bằng Photoshop	2	90	30	55	5	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
13	Chế bản điện tử	2	90	30	55	5	Từ 17/6/2024 –

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
	bảng Illustrator						22/6/2024
14	Đồ họa web	2	90	30	55	5	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
15	Chế bản điện tử bằng Indesign	3	90	30	55	5	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
16	Thiết kế sản phẩm quảng cáo	3	90	30	55	5	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
17	Đồ họa 3D quảng cáo	3	90	30	55	5	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
18	Dựng phim	3	90	30	55	5	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
19	Kỹ xảo phim	4	90	30	55	5	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
20	Thực tập tốt nghiệp	4	270		270		Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
THI TỐT NGHIỆP							Từ ngày 28/7/2025 đến ngày 09/8/2025

11. Kế hoạch thi tốt nghiệp

TT	Nội dung thi tốt nghiệp	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức thi	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
		Thời gian ôn thi (ngày)	Thời gian thi (giờ)	Kế hoạch thi (từ 28/7/2025 đến ngày 09/8/2025)			
1	Lý thuyết nghề	8	3	28/7 – 02/8/2025	Viết	Kiến thức	
2	Thực hành nghề	12	6	04/8 – 09/8/2025	Thực hành	Kỹ năng	

IV. Nghề đào tạo: KỸ THUẬT MÁY LẠNH & ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Mã nghề: 5520205

1. Lớp: ML23

2. Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương trở lên.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí đảm bảo đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp sản xuất.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ **Kiến thức:**

- Trình bày được các quy định, tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí;
- Trình bày được những nội dung cơ bản về tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí;
- Hiểu được phương pháp, quy trình thực hiện xanh hóa trong thực hiện các công việc của nghề;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Mô tả được các loại trang thiết bị, dụng cụ và phân tích được chức năng của từng thiết bị, dụng cụ trong nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hoà không khí cục bộ, điều hoà không khí trung tâm đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Trình bày được phương pháp và quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Phân tích được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí;
- Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống lạnh;
- Biết được phương pháp cập nhật các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề;
- Trình bày nguyên lý làm việc, cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị chính được sử dụng trong nghề;
- Trình bày được phương pháp tính toán phụ tải lạnh, chọn, thiết kế lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện - lạnh của máy lạnh, điều hoà không khí có năng suất lạnh nhỏ;
- Trình bày được các quy định trong nghiệm thu bàn giao công việc;

– Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

❖ **Kỹ năng:**

- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ thiết kế, lắp đặt trong hệ thống lạnh;
- Lựa chọn, sử dụng được các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề;
- Giám sát và thực hiện được công tác an toàn trong lĩnh vực của nghề;
- Lắp đặt, vận hành được hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Lắp đặt, vận hành được hệ thống điều hòa không khí cục bộ đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Bảo trì, bảo dưỡng được các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Kiểm tra được các thông số kỹ thuật hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào;
- Sửa chữa được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh;
- Sửa chữa được một số hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh;
- Đánh giá được tác động môi trường của môi chất lạnh và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Đề xuất được phương án tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phế thải khi thực hiện các lĩnh vực của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Phân loại được rác thải trong công nghiệp;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

❖ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Làm việc độc lập hoặc phối hợp làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc ít thay đổi;
- Hướng dẫn giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đã định sẵn, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và một phần đối với nhóm;
- Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và một phần công việc của các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

5. Thời gian khoá học: 24 tháng – 04 học kỳ (từ 14/8/2023 – 14/8/2025)

7.1. Thời gian khai giảng, bế giảng

- Thời gian khai giảng: Từ 14/8/2023 đến 19/8/2023.
- Thời gian bế giảng: Từ 11/8/2025 đến 14/8/2025.

7.2. Thời gian nghỉ hè: Từ 08/7/2024 đến 27/7/2024

7.3. Thời gian nghỉ lễ tết

(Thời gian nghỉ cụ thể áp dụng theo thông báo của trường)

Năm 2023 - 2024

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Quốc Khánh (2/9)	01/09/2023 - 04/09/2023
Tết Dương lịch (1/1)	30/12/2023 - 01/01/2024
Tết Nguyên Đán	05/02/2024 – 17/02/2024
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	18/4/2024
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2024
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2024

Năm 2024 - 2025

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Tết Dương lịch (1/1)	01/01/2025
Tết Nguyên Đán	20/01/2025 – 01/02/2025
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	07/04/2025
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2025
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2025

8. Thời gian học tập ngoại khóa: từ 01/7/2024 đến 06/7/2024

9. Quyết định phê duyệt chương trình: Số 10/QĐCTr-ND ngày 05/6/2023 của trường Trung cấp nghề Nhân Đạo về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí - trình độ Trung cấp.

10. Phân bổ thời gian đào tạo

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
1	Giáo dục chính trị	3	30	15	13	2	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
2	Pháp luật	2	15	9	5	1	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THỨC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
3	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	45	21	21	3	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
5	Tin học	3	45	15	29	1	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
6	Tiếng Anh	3	90	30	56	4	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
7	Kỹ năng sống	4	60	15	43	2	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
8	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp trong nghề điện lạnh	1	30	18	10	2	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
9	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh	1	60	36	18	6	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
10	Cơ sở kỹ thuật điều hoà không khí	4	30	24	4	2	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
11	Thực tập hàn	1	60	15	40	5	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
12	Trang bị điện	3	60	15	40	5	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
13	Điện dân dụng	2	60	15	41	4	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
14	Lạnh cơ	1	150	30	110	10	Từ 01/01/2024 –

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
	bản						06/01/2024
15	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	2	150	30	110	10	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
16	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	2	150	30	110	10	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
17	Điện tử chuyên ngành	3	75	20	50	5	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
18	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	3	120	30	82	8	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
19	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	4	90	30	52	8	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
20	Hệ thống điều hoà không khí ô tô	4	45	15	26	4	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
21	Thực tập tốt nghiệp	4	270		270		Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
	THI TỐT NGHIỆP						Từ ngày 28/7/2025 đến ngày 09/8/2025

11. Kế hoạch thi tốt nghiệp

TT	Nội dung thi tốt nghiệp	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức thi	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
		Thời gian ôn thi (ngày)	Thời gian thi (giờ)	Kế hoạch thi (từ 28/7/2025 - 09/8/2025)			
1	Lý thuyết nghề	8	3	28/7 – 02/8/2025	Viết	Kiến thức	
2	Thực hành nghề	12	6	04/8 – 09/8/2025	Thực hành	Kỹ năng	

V. Nghề đào tạo: NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN Mã nghề: 5810205

1. Lớp: NH23

2. Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương trở lên.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chung

Ngành Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn được thiết kế nhằm đào tạo nhân viên Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn trình độ trung cấp, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe để làm việc. Về năng lực chuyên môn, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để tìm việc làm, đồng thời có khả năng tự học, tự nghiên cứu tiếp thu các thành tựu của khoa học kỹ thuật hoặc học liên thông lên các bậc học cao hơn để đáp ứng yêu cầu phát triển của bản thân, của khoa học kỹ thuật và của nền kinh tế xã hội.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ **Kiến thức:**

- Phân loại được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các vị trí việc làm trong lĩnh vực ăn uống;
- Chỉ ra được cách sử dụng những trang thiết bị, dụng cụ chủ yếu của nghề;
- Kết hợp được các kiến thức chuyên môn về lĩnh vực ăn uống và phục vụ khách hàng;
- Giải thích được các quy trình nghiệp vụ tại những vị trí công việc: phục vụ nhà hàng, pha chế và phục vụ đồ uống, quản lý quầy bar và giám sát nhà hàng; Mô tả được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn và nhận diện các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;
- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ tại những vị trí công việc: phục vụ nhà hàng, pha chế và phục vụ đồ uống, quản lý quầy bar và giám sát nhà hàng;
- Lựa chọn được các cấu trúc thực đơn món ăn và đồ uống để xây dựng thực đơn cho bộ phận ăn uống;

- Lựa chọn được các kênh công cụ trong xúc tiến, quảng bá và tiếp thị cho bộ phận ăn uống;
- Phân tích được những nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực: nghiệp vụ phục vụ buồng phòng, nghiệp vụ phụ vụ bàn, nghiệp vụ phục vụ pha chế đồ uống, nghiệp vụ lễ tân.
- Mô tả được quy trình công việc giám sát, quản lý tại vị trí việc làm;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

❖ **Kỹ năng:**

- Sử dụng thành thạo trang thiết bị, dụng cụ tại vị trí việc làm đảm bảo đúng quy trình và tuân thủ các qui tắc an toàn;
- Phục vụ khách ăn uống theo thực đơn tự chọn (buffet), theo thực đơn chọn món (à la carte) và theo thực đơn đặt trước (set menu);
- Tổ chức và phục vụ tiệc (banquet), phục vụ teabreak, phục vụ hội nghị, hội thảo và phục vụ các hình thức ăn uống khác như ăn uống tại buồng (room service), tổ chức phục vụ ngoài trời (catering)...;
- Pha chế và phục vụ các loại thức uống như nước hoa quả, mocktail, cocktail, trà, cà phê, rượu vang, rượu mạnh, rượu mùi...;
- Xây dựng đơn ăn uống cho các loại hình ăn uống khác nhau;
- Tổ chức kinh doanh ăn uống có trách nhiệm;
- Áp dụng và duy trì các nguyên tắc về vệ sinh, an toàn và an ninh;
- Chăm sóc và phát triển các mối quan hệ khách hàng;
- Giải quyết được các phàn nàn khách hàng, các yêu cầu và tình huống cơ bản trong quá trình phục vụ khách;
- Áp dụng được các kế hoạch hoạt động trong nhà hàng: kế hoạch phân công công việc, kế hoạch phục vụ, kế hoạch mua sắm trang thiết bị, dụng cụ và hàng hóa, kế hoạch kinh doanh nhà hàng và quán bar, kế hoạch quảng bá và tiếp thị cho bộ phận ăn uống;
- Giám sát kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn theo vị trí việc làm;
- Thực hiện được nghiệp vụ phục vụ buồng phòng, nghiệp vụ phụ vụ bàn, nghiệp vụ lễ tân.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

❖ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định của nơi làm việc;
- Tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn và vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Hợp tác làm việc theo nhóm và làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Chia sẻ và có trách nhiệm trong thực hiện công việc được giao;
- Cập nhật được kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong công việc;

- Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện công việc đã định sẵn;
- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

5. Thời gian khoá học: 24 tháng – 04 học kỳ (từ 14/8/2023 – 14/8/2025)

NĂM THỨ I	THÁNG	8 - 2023							9							10							11							12							1-2024																
	Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50		
	Từ ngày	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22						
	đến ngày	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	06	13								
		KG																																																			
NĂM THỨ II	THÁNG	1							2							3							4							5							6							7									
	Tuần	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50																								
	Từ ngày	15	22	29	05	12	19	26	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22																								
	đến ngày	20	27	03	10	17	24	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27																								
		NH																																																			
NĂM THỨ II	NĂM	2024																				2025																															
	THÁNG	7							8							9							10							11							12							1-2025					2				
	Tuần	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81																					
	Từ ngày	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	03	10	17	24																					
	đến ngày	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	01	08	15	22	01																					
	NH																																																				
NĂM THỨ II	THÁNG	3							4							5							6							7							8																
	Tuần	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105																												
	Từ ngày	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11																												
	đến ngày	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16																												

GHI CHÚ:

- Thực học
- KG** Khai giảng
- HK** Thi HK
- TL** Thi lại
- NH** Nhập học học kỳ
- T** Nghỉ tết
- H** Nghỉ hè
- TT** Thực tập tốt nghiệp
- ▲** Ôn thi TN
- TN** Thi tốt nghiệp LTN
- TN** Thi tốt nghiệp THN
- NK** Học tập ngoại khóa
- DP** Tuần dự phòng

5.1. Thời gian năm học 2023 – 2024

- Thời gian học kỳ 1: từ 14/8/2023 đến 13/01/2024, 22 tuần.
- Thời gian học kỳ 2: từ 15/01/2024 đến 29/6/2024, 22 tuần.

5.2. Thời gian năm học 2024 – 2025

- Thời gian học kỳ 3: từ 29/7/2024 đến 28/12/2024, 22 tuần.
- Thời gian học kỳ 4: từ 30/12/2024 đến 06/7/2025, 25 tuần.

6. Thời gian học tập: 95 tuần, trong đó:

- Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học/ mô đun: 08 tuần.
- Thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 04 tuần.

7. Thời gian khai giảng, bế giảng, nghỉ hè, lễ tết và dự phòng

7.1. Thời gian khai giảng, bế giảng

- Thời gian khai giảng: Từ 14/8/2023 đến 19/8/2023.
- Thời gian bế giảng: Từ 11/8/2025 đến 14/8/2025.

7.2. Thời gian nghỉ hè: Từ 08/7/2024 đến 27/7/2024

7.3. Thời gian nghỉ lễ tết

(Thời gian nghỉ cụ thể áp dụng theo thông báo của trường)

Năm 2023 - 2024

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Quốc Khánh (2/9)	01/09/2023 - 04/09/2023
Tết Dương lịch (1/1)	30/12/2023 - 01/01/2024
Tết Nguyên Đán	05/02/2024 – 17/02/2024
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	18/4/2024
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2024
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2024

Năm 2024 - 2025

Tên ngày lễ, tết	Thời gian nghỉ
Tết Dương lịch (1/1)	01/01/2025
Tết Nguyên Đán	20/01/2025 – 01/02/2025
Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)	07/04/2025
Ngày Thống nhất đất nước (30/4)	30/04/2025
Ngày Quốc tế lao động (01/5)	01/05/2025

8. Thời gian học tập ngoại khóa: từ 01/7/2024 đến 06/7/2024

9. Quyết định phê duyệt chương trình: Số 10/QĐCTr-ND ngày 05/6/2023 của trường Trung cấp nghề Nhân Đạo về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn - trình độ Trung cấp.

10. Phân bổ thời gian đào tạo

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
1	Giáo dục	3	30	15	13	2	Từ 16/12/2024 –

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
	chính trị						21/12/2024
2	Pháp luật	2	15	9	5	1	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
3	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	45	21	21	3	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
5	Tin học	3	45	15	29	1	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
6	Tiếng Anh	3	90	30	56	4	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
7	Kỹ năng sống	4	60	15	43	2	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
8	Tổng quan du lịch và khách sạn	1	30	28	0	2	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
9	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp với khách du lịch	1	30	23	5	2	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
10	Văn hóa ẩm thực	1	30	20	8	2	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
11	Marketing du lịch	2	30	28	0	2	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
12	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	2	30	18	10	2	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
13	Nghiệp vụ Lễ tân	1	120	42	70	8	Từ 01/01/2024 – 06/01/2024
14	Nghiệp vụ Nhà hàng	2	120	40	72	8	Từ 17/6/2024 –

Số TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	Phân bổ theo học kỳ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (Giờ)				LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
							22/6/2024
15	Nghiệp vụ Bar	2	75	25	45	5	Từ 17/6/2024 – 22/6/2024
16	Nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn	3	120	40	72	8	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
17	Nghiệp vụ thanh toán	3	30	15	13	2	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
18	Chế biến món ăn cơ bản	3	60	15	41	4	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
19	Nghệ thuật cắm hoa	3	45	10	32	3	Từ 16/12/2024 – 21/12/2024
20	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	60	30	26	4	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
21	An ninh, an toàn trong khách sạn	4	30	10	18	2	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
22	Tổ chức kinh doanh nhà hàng	4	45	28	14	3	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
23	Thực tập tốt nghiệp	4	270	0	270	0	Từ 05/5/2025 – 10/5/2025
	THI TỐT NGHIỆP						Từ ngày 28/7/2025 đến ngày 09/8/2025

11. Kế hoạch thi tốt nghiệp

TT	Nội dung thi tốt nghiệp	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức thi	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
		Thời gian ôn thi (ngày)	Thời gian thi (giờ)	Kế hoạch thi (từ 28/7/2025 đến 09/8/2025)			
1	Lý thuyết nghề	8	3	28/7 – 02/8/2025	Viết	Kiến thức	
2	Thực hành nghề	12	6	04/8 – 09/8/2025	Thực hành	Kỹ năng	

Quận 3, ngày tháng năm

